

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2072 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm
giai đoạn 2026-2030 tại thành phố Đà Nẵng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa I về Đề án chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 3577 /TTr-SNV ngày 23 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030 tại thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND thành phố, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính Phủ;
- Bộ Nội vụ; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Cải cách hành chính - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UB MTTQVN thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước khu vực 9;
- Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng;
- Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh Đà Nẵng;
- Báo và PT-TH ĐN, Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNV.

10 *th*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 tại thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2072/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2021 – 2025.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; tăng cường đổi mới sáng tạo, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2030.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2026 - 2027:

+ Hoàn thành rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, ổn định, khả thi cho bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương hoạt động thông suốt, liên tục, hiệu lực và hiệu quả.

+ Hoàn thiện thể chế, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm kịp thời, đúng chủ trương của Đảng.

+ Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

+ 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương theo đúng kế hoạch.

+ 100% sở, ban, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

+ 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực

tuyển toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

+ 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Phần đầu thuộc Top 5 địa phương dẫn đầu Chỉ số giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp, Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh.

- Giai đoạn 2028 - 2030:

+ Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo quản lý chính quyền đô thị, phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

+ Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

+ Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 80%.

+ 100% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

+ 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

+ Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt đạt 30 lần GDP.

+ Hướng đến mục tiêu: Thành phố Đà Nẵng là Trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tầm quốc tế, Top 50 bảng xếp hạng đô thị thông minh uy tín toàn cầu.

+ Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ công, nhất là y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

3. Yêu cầu

- Xác định cải cách hành chính là một trong những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích, nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu cải cách; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính. Lấy kết quả, hiệu quả cải cách hành chính là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách thể chế

a) Tiếp tục đột phá xây dựng và hoàn thiện thể chế, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển; coi đây là “đột phá của đột phá”, lợi thế cạnh tranh quốc gia.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế và triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước trở thành lực lượng tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế và xác lập mô hình tăng trưởng mới. Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, mô hình quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

c) Tạo đột phá trong tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

d) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, tăng cường tham vấn ý kiến chuyên gia, tổ chức và người dân, bảo đảm pháp luật minh bạch, nhất quán, ổn định và có tính dự báo cao.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

b) Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi

dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các dữ liệu có sẵn trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ các rào cản về thủ tục để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

- Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tái cấu trúc quy trình thủ tục, tăng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và nâng cao năng suất lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tăng cường tái cấu trúc quy trình, khai thác có hiệu quả các dữ liệu đã được số hóa và các biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Phối hợp với các Bộ, ngành triển khai, vận hành có hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các dịch vụ hành chính công chủ động; từng bước hình thành phương thức phục vụ hành chính công chủ động – dựa trên dữ liệu – lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính và chất lượng phục vụ của chính quyền thành phố; hướng đến xây dựng một nền hành chính hiện đại, minh bạch và phục vụ người dân, doanh nghiệp một cách hiệu quả, thực chất.

- Triển khai thực hiện hiệu quả mô hình “Đại lý dịch vụ công trực tuyến”.
- Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố bảo đảm đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở cụ thể hoá các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các sở, ngành bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

b) Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, xóa cơ chế "xin - cho", tăng trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm việc thực thi hiệu quả.

c) Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách để nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trọng tâm vào các lĩnh vực: Tài chính - ngân sách, đất đai, quy hoạch, tổ chức bộ máy, cán bộ, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

d) Thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức, viên chức.

c) Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

đ) Tiếp tục thực hiện việc đánh giá công chức, viên chức và nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo mô hình đánh giá kết quả công việc.

e) Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp về quản lý, tuyển dụng, sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức, đặc biệt là tại các đơn vị sự nghiệp tự chủ.

g) Có giải pháp thiết thực để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức,

đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

h) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

i) Tiếp tục nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng người tài, chuyên gia trên các lĩnh vực và phát huy nội lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để phục vụ yêu cầu phát triển của thành phố.

5. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, hoàn thiện cơ chế tài chính, bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan.

b) Tổ chức triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

c) Tập trung hoàn thiện thể chế về đổi mới cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

d) Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 và các quy định có liên quan; triển khai quyết liệt việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để tổ chức thi hành có hiệu quả Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật An ninh mạng.

- Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

- Xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực.

- Ban hành hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của các sở, ngành, địa phương.

b) Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, nền tảng số và hạ tầng phục vụ cho phát triển Chính phủ số

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng, hoàn thiện, quản lý, vận hành có hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm thông suốt, an toàn, bảo mật dữ liệu, hỗ trợ phát triển Chính phủ số.

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai. Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác.

- Phát triển các ứng dụng, nền tảng số giúp nâng cao hiệu quả quản trị, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động quản lý nhà nước; hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử, Trục tích hợp chia sẻ dữ liệu thành phố LGSP (hơn 44 nhóm dịch vụ API, hơn 22 triệu lượt giao dịch qua LGSP) theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, kết nối với Trục liên thông quốc gia NGSP; Hệ thống thông tin báo cáo thành phố kết nối với Hệ thống thông tin Báo cáo Chính phủ; đồng bộ với hệ thống của Văn phòng Chính phủ phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hay địa giới hành chính.

- Nghiên cứu xây dựng các công cụ trợ lý ảo, tiện ích thông minh phục vụ người dân, doanh nghiệp tra cứu, thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các giải pháp thực hiện

a) Tập trung công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện cải cách hành chính từ UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố đến các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực cải cách hành chính của thành phố và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính. Các cơ quan được UBND thành phố giao chủ trì tham mưu từng nội dung cải cách hành chính của thành phố, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tham mưu triển khai các nội dung cải cách hành chính đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đã đề ra.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý của mình; xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ công tác; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời gian, từng lĩnh vực; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong cải cách hành chính.

b) **Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

- Cần phải tiếp tục sử dụng các công cụ, biện pháp thiết thực để phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính; tăng cường lấy ý kiến người dân đối với việc xây dựng thể chế, chính sách, đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công làm thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

c) **Bố trí nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính**

- Bổ trí đủ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của các ngành, địa phương.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, tham mưu chỉ đạo của các cơ quan có trách nhiệm giúp UBND thành phố tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch của thành phố.

d) **Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; có các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, đồng thời có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân.

- Đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; cải cách chế độ, chính sách lương, thưởng thỏa đáng; tiếp tục đổi mới và hoàn thiện phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; có cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện cải cách hành chính.

đ) Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức

- Không ngừng cải tiến, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm đối với các ngành, địa phương, cơ quan Trung ương có tham gia công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố; đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá.

- Duy trì thực hiện tốt việc khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị bằng nhiều hình thức (trực tuyến, trực tiếp... chú trọng hình thức trực tuyến), với nhiều nội dung quản lý nhà nước như: ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Sử dụng kết quả triển khai cải cách hành chính và chất lượng cung ứng dịch vụ công làm một tiêu chí để đánh giá công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng và đánh giá kết quả chỉ đạo, điều hành của công tác lãnh đạo, quản lý tại các ngành, địa phương.

e) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán ngân sách hàng năm.

b) Khuyến khích việc huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ Kế hoạch này và điều kiện cụ thể, các đơn vị, địa phương chủ động xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch cải cách hành chính hàng năm để thực hiện bảo đảm các mục tiêu, đúng lộ trình cải cách hành chính của thành phố.

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu lập dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính cùng với việc xây dựng dự toán ngân sách hàng năm và tổng hợp vào dự toán của đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách, gửi Sở Tài chính thẩm tra, tổng hợp, báo cáo UBND thành phố. Riêng đối với các cơ quan Trung ương thực hiện theo quy định của Bộ, ngành chủ quản.

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu của các ngành, các cấp.

- Đảm bảo chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (nếu có) theo quy định.

b) Sở Nội vụ

- Chủ trì tham mưu điều phối tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 tại thành phố Đà Nẵng.

- Chủ trì triển khai, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ.

- Tham mưu Chủ tịch UBND thành phố quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch công tác cải cách hành chính hàng năm; thực hiện các báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện cải cách hành chính; báo cáo lãnh đạo thành phố, Trung ương theo quy định.

- Tiếp tục triển khai và thường xuyên cập nhật hoàn thiện hệ thống theo dõi, đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn thành phố.

- Nghiên cứu hoàn thiện và hướng dẫn việc thực hiện phương pháp đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức phụ trách công tác cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030. Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

c) Sở Tư pháp

Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thể chế; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

d) Văn phòng UBND thành phố

- Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai các nội dung cải cách thủ tục hành chính.

- Đôn đốc, tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao cho các cơ quan, đơn vị.

đ) Sở Tài chính

- Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai các nội dung về cải cách tài chính công.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kinh phí thực hiện đối với các nội dung cải cách hành chính hàng năm theo kế hoạch của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thành phố đảm bảo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

e) Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp việc triển khai các nội dung về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử trong cải cách hành chính.

g) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo và Phát thanh, Truyền hình Đà Nẵng và Cổng Thông tin điện tử thành phố

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả chuyên mục cải cách hành chính để tăng cường tuyên truyền các nội dung về cải cách hành chính nhà nước; phản ánh ý kiến của người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội về cải cách hành chính trên địa bàn thành phố Đà Nẵng./.



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
I	Giai đoạn 2026 - 2027			
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	95	Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố, Sở Nội vụ (theo dõi trên hệ thống khảo sát trực tuyến của thành phố)
2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100	Công an thành phố
3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố
4	Tỷ lệ sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	%	100	Công an thành phố
5	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được đưa vào sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương theo đúng kế hoạch.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
II	Giai đoạn 2028 - 2030			
1	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	≥95	Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; Sở Nội vụ (theo dõi trên hệ thống khảo sát trực tuyến của thành phố)
2	Mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư	%	≥90	Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; Sở Nội vụ (theo dõi trên hệ thống khảo sát trực tuyến của thành phố); Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Tài chính
3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	90	Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	80	Công an thành phố; Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	%	100	Công an thành phố
6	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn	%	100	Công an thành phố
7	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt	Lần GDP	30	Ngân hàng Nhà nước khu vực 9; Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
8	Xếp hạng về phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Thứ bậc	Top 50 bảng xếp hạng đô thị thông minh uy tín toàn cầu.	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)	%	≥ 95	Sở Nội vụ
10	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế	%	≥ 90	Sở Y tế
11	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập	%	≥ 90	Sở Giáo dục và Đào tạo



Phụ lục II
CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp triển khai thực hiện	Kết quả dự kiến	Thời gian
I	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính				
1	Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về nhận thức, hành động và trách nhiệm trong toàn hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp và xã hội	Các Sở, ngành, địa phương	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Nội vụ; Báo và Phát thanh, truyền hình	Chuyên trang, chuyên mục, bản tin, cuộc thi...	Thường xuyên
2	Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ kết quả công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thành phố sau khi triển khai mô hình chính quyền 02 cấp.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố có tham gia đánh giá xếp hạng CCHC; UBND xã, phường, đặc khu	Kết quả đánh giá công tác cải cách hành chính	Hàng năm
3	Tiếp tục triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thông qua hình thức khảo sát trực tuyến trên Hệ thống khảo sát của thành phố và thông qua các kênh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu	Kết quả chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp triển khai thực hiện	Kết quả dự kiến	Thời gian
5	Thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi vào khu vực công	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ		Thường xuyên
III	Cải cách thủ tục hành chính				
III.1	Cải cách quy định thủ tục hành chính				
1	Kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	Các sở, ban, ngành; Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố	UBND xã, phường, đặc khu	- Ban hành Kế hoạch rà soát - Báo cáo kết quả và ban hành phương án	Thường xuyên
2	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không rõ ràng. Kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu	Văn phòng UBND thành phố - Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố	Quyết định phê duyệt	Thường xuyên
3	Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 và các quy định khác có liên quan	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố		2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp triển khai thực hiện	Kết quả dự kiến	Thời gian
		vụ hành chính công thành phố)			
5	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố	Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.	Thường xuyên
6	Rà soát, hoàn thiện các quy định để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp	Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Tư pháp		Thường xuyên
7	Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp	Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả kiểm tra	Hằng năm hoặc đột xuất
8	Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước	Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố	Số TTHC cắt giảm	Thường xuyên
9	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành	Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố, Sở Nội vụ	Quyết định phân cấp, ủy quyền	2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp triển khai thực hiện	Kết quả dự kiến	Thời gian
	theo hướng “Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực”				
IV	Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Tiếp tục tham mưu rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy để khắc phục chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ (nếu có) của các cơ quan, đơn vị. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.	Các sở ban ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Sở Nội vụ	Quyết định	Thường xuyên
2	Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản QPPL, giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả	Các sở ban ngành	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp	Văn bản QPPL	Năm 2026
3	Sơ kết việc triển khai vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	Sở Nội vụ	Các sở ban ngành; UBND xã, phường, đặc khu	Báo cáo	Năm 2027
4	Rà soát, hoàn thiện thể chế, tiếp tục phân cấp, quyền triệt để giữa UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố với các sở, ngành; giữa người đứng đầu sở, ngành với UBND các xã, phường, đặc khu theo hướng "tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất,	Các sở ban ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ	Văn bản QPPL	2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp triển khai thực hiện	Kết quả dự kiến	Thời gian
	giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"				
5	Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu; đơn vị sự nghiệp	Sở Tài chính, Sở Nội vụ	Số lượng đơn vị được sắp xếp	2026-2030
V	Cải cách chế độ công vụ				
1	Xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm của công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố quản lý; UBND các xã phường, đặc khu	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu; đơn vị sự nghiệp	Sở Nội vụ	Đề án vị trí việc làm	Năm 2027
2	Xây dựng chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng người có tài năng để phát triển nhân lực khu vực công	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu; đơn vị sự nghiệp	Nghị quyết	Năm 2027
3	Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đa dạng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu		Thường xuyên
4	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức Công nghệ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ		2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp triển khai thực hiện	Kết quả dự kiến	Thời gian
	kỹ năng số, công nghệ cơ bản, phục vụ chuyển đổi số quốc gia				
5	Triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo nghiêm túc, thống nhất, kịp thời, chất lượng, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.	Thanh tra thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
VI	Cải cách tài chính công				
1	Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công, đặc biệt là việc sắp xếp, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Sở Tài chính	Văn bản triển khai	2026-2030
2	Rà soát, bố trí đủ kinh phí phục vụ số hóa tài liệu, đầu trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Sở Tài chính		Thường xuyên
3	Hướng dẫn lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, làm căn cứ để các sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan	Văn bản hướng dẫn	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp triển khai thực hiện	Kết quả dự kiến	Thời gian
	chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước				
4	Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	Sở, ban, ngành,	Sở Tài chính	Định mức kinh tế - kỹ thuật	2026-2030
5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo,...	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan	Các chính sách được ban hành	2026-2030
6	Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình doanh nghiệp; tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Sở Tài chính	Quyết định phê duyệt	2026-2030
VII	Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước				
VII.1	Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý				
1	Hướng dẫn triển khai Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật An ninh mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Văn bản hướng dẫn	Năm 2026
2	Xây dựng Đề án chuyển đổi số đến năm 2035, định hướng đến năm 2045	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Đề án	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp triển khai thực hiện	Kết quả dự kiến	Thời gian
3	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền điện tử phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể Quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Quyết định	Hàng năm
4	Xây dựng Định hướng/Chiến lược phát triển ngoại giao số của thành phố giai đoạn đến 2030	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Định hướng/Chiến lược	Theo lộ trình của Bộ, ngành TW
5	Triển khai Đề án Đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai	Theo lộ trình của Bộ, ngành TW
VII.2 Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, nền tảng số và hạ tầng phục vụ cho phát triển Chính quyền số					
1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Sở Tư pháp		Thường xuyên
2	Tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung	Công an thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai	2026-2030
3	Xây dựng Trung tâm Dữ liệu quốc gia và nền tảng điện toán đám mây thống nhất, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của các bộ,	Công an thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Hệ thống	2026-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp triển khai thực hiện	Kết quả dự kiến	Thời gian
	ngành, địa phương và toàn hệ thống				
4	Triển khai Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (EMC)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai	Theo lộ trình của Bộ, ngành TW
5	Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng UBND thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai	Theo lộ trình của Bộ, ngành TW
6	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng UBND thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản triển khai	Theo lộ trình của Bộ, ngành TW
7	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Đề án	Năm 2027
8	Xây dựng và vận hành Khu Thương mại tự do thông minh đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan và các yêu cầu quản lý tại Khu Thương mại tự do Đà Nẵng	Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Vận hành Khu Thương mại tự do thông minh	2026-2029